



BẢN DỮ LIỆU AN TOÀN NGUYÊN LIỆU

DOW CHEMICAL PACIFIC LIMITED

Tên sản phẩm: Propylene Glycol USP/EP

DOW CHEMICAL PACIFIC LIMITED khuyến nghị và mong rằng Quý Khách Hàng đọc và hiểu toàn bộ Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu), vì trong toàn tài liệu có những thông tin quan trọng. Chúng tôi mong rằng Quý Khách Hàng thực hiện theo những cách phòng ngừa nêu trong tài liệu này trừ khi điều kiện sử dụng của Quý Khách cần phải theo phương pháp hoặc hành động thích hợp khác.

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm: Propylene Glycol USP/EP

Khuyến nghị và hạn chế khi sử dụng

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo: Chúng tôi khuyến nghị rằng Quý Khách Hàng sử dụng sản phẩm hóa chất này một cách nhất quán với công dụng đã liệt kê. Nếu mục đích sử dụng của Quý Khách Hàng khác với công dụng mà chúng tôi đã nêu, xin vui lòng liên hệ với đại diện kinh doanh hoặc đại diện chăm sóc khách hàng. Chất giữ ẩm và dung môi cho: Các loại thực phẩm. Chất tạo mùi vị. Mỹ phẩm. Dược phẩm. Các sản phẩm chăm sóc, vệ sinh cá nhân Không sử dụng trong sản xuất thức ăn cho mèo.

Thông tin về công ty

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC

Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Email: hoachatthinhphuc@gmail.com

Hotline: 0833 299 222

Website: www.hoachatthinhphuc.vn

Điện thoại thông tin khách hàng:: 0833 299 222

Liên hệ khẩn cấp 24/24: 0833 299 222

Số điện thoại khẩn cấp trong nước: 0833 299 222

2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Sản phẩm này không độc hại theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn (GHS).

Các nguy cơ khác

chưa có dữ liệu

3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Sản phẩm này là một chất.

® ™ Trademark of The Dow Chemical Company ("Dow") or an affiliated Trang 1 của 10 company of Dow

| Thành phần | CASRN | Nồng độ |
|------------------|---------|----------|
| Propylene glycol | 57-55-6 | > 99,8 % |

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Lời khuyên chung: Nếu có khả năng phơi nhiễm với hóa chất, hãy tham khảo phần 8 để biết thêm các trang thiết bị bảo hộ cá nhân cụ thể.

Hít phải: Đưa người bị nạn đến nơi thoáng khí. Nếu có hậu quả xảy ra, hãy xin hướng dẫn của bác sỹ.

Tiếp xúc với da: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.

Tiếp xúc với mắt: Rửa mắt thật kỹ bằng nước trong một vài phút. Gỡ kính sát trùng ra sau 1-2 phút đầu tiên và tiếp tục rửa thêm một vài phút nữa. Nếu có tác động xảy ra, cần tham vấn ý kiến bác sỹ, tốt nhất là bác sỹ nhãn khoa.

Nuốt phải: Không cần thiết điều trị y tế khẩn cấp.

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm: Bên cạnh những thông tin tìm thấy dưới sự mô tả các biện pháp sơ cứu đầu tiên (như trên) và những dấu hiệu tìm sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị cần thiết (dưới đây), các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng khác được mô tả trong Phần 11: Thông tin về độc tính.

Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị: Không có thuốc chữa trị chuyên biệt. Việc điều trị sự phơi nhiễm hoá chất nên được hướng đến việc kiểm soát triệu chứng lâm sàng và tình trạng của bệnh nhân.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Dùng nước phun sương hoặc phun xịt mịn. Bình chữa cháy (sử dụng) hoá chất khô. Bình chữa cháy (sử dụng) khí Carbon dioxide. Bột. Nên dùng các loại bột chịu được cồn (loại ATC). Có thể dùng các loại bột tổng hợp sử dụng cho mục đích chung (bao gồm cả AFFF) hoặc các loại bột protein, nhưng hiệu quả sẽ kém hơn.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp: Không dùng dòng nước trực tiếp. Có thể làm đám cháy lan rộng.

Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Các sản phẩm cháy nguy hại: Trong một đám cháy, khói có thể chứa nguyên liệu hóa chất gốc cộng với các sản phẩm cháy gồm những thành phần khác nhau có thể độc hại và/hoặc gây khó chịu. Sản phẩm cháy có thể bao gồm và không giới hạn bởi: Carbon monoxide. Carbon dioxide.

Những hiểm họa cháy nổ bất thường: Thùng chứa có thể bị vỡ do sự phát sinh khí trong một tình huống cháy. Hơi nước phát sinh hoặc phun trào dữ dội khi dùng dòng nước phun trực tiếp vào hóa chất lỏng đang nóng.

Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Các quy tắc cứu hỏa: Yêu cầu mọi người tránh xa khu vực. Cô lập lửa, và không cho người vào khu vực nếu không cần thiết. Dùng nước phun xịt để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa và khu vực bị ảnh hưởng lửa cho đến khi ngọn lửa đã được dập tắt và nguy cơ bắt lửa lại đã qua khỏi. Tiến hành cứu hỏa từ một vị trí đã được bảo vệ hoặc từ một khoảng cách an toàn. Nếu có điều kiện, nên xem xét đến việc sử dụng vòi phun tự động hoặc được điều khiển từ xa. Ngay lập tức đưa toàn bộ nhân sự ra khỏi khu vực trong trường hợp xuất hiện âm thanh từ thiết bị an toàn xả khí hoặc sự đổi màu của thùng chứa. Chất lỏng đang cháy có thể được dập tắt bằng cách pha loãng với nước. Không dùng dòng nước trực tiếp. Có thể làm đám cháy lan rộng. Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu có thể và không gây ra nguy hiểm. Dội nước lên và xung quanh các chất lỏng đang cháy để bảo vệ con người và giảm thiểu các thiệt hại về tài sản.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa: Mang dụng cụ thở độc lập áp suất dương (SCBA) và trang phục cứu hỏa (bao gồm mũ bảo hộ, áo khoác, quần dài, giày ống, và găng tay). Nếu thiết bị bảo hộ không có sẵn hoặc không được sử dụng, thì nên đứng chữa cháy ở một vị trí đã được bảo vệ hoặc ở một khoảng cách an toàn thích hợp.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp: Sử dụng các thiết bị an toàn thích hợp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem thêm Phần 8: Kiểm Soát Sự Phơi Nhiễm và Bảo Vệ Cá Nhân. Không cho người vào khu vực nếu không cần thiết và không được trang bị các thiết bị bảo vệ. Không cho người vào những khu vực trũng thấp.

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường: Ngăn không cho hóa chất thấm vào đất, mương rãnh, cống, luống nước và/hoặc nước ngầm. Vui lòng xem Phần 12: Thông tin về sinh thái.

Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.: Nếu có thể, tiến hành chứa đựng hóa chất bị đổ, thoát ra. Đối với sự cố tràn/ đổ ít: Bất kỳ nguyên liệu thấm hút nào. Thu gom hoá chất vào những thùng chứa không đóng kín, thích hợp và có dán nhãn đầy đủ. Rửa sạch khu vực bị đổ hoá chất bằng thật nhiều nước. Đối với sự cố tràn/ đổ nhiều: Làm đê bao khu vực để chặn hóa chất tràn đổ. Bơm hoá chất vào những thùng chứa thích hợp và có dán nhãn thích hợp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Phần 13, Những Lưu Ý Khi Loại Bỏ.

7. CÁC LỢI Ý KHI THAO TÁC VÀ LỢI TRỪ

Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất: Tràn đổ các nguyên liệu hóa chất hữu cơ này lên các vật cách ly bằng chất xơ đang nóng có thể dẫn đến hạ thấp nhiệt độ tự bốc cháy và dẫn đến bùng phát ngọn lửa.

Có thể cần thiết có thêm hệ thống thông gió hoặc ống dẫn khí cục bộ nếu phải thao tác với sản phẩm hoá chất ở nhiệt độ cao. Xem Phần 8, Kiểm Soát Sự Tiếp Xúc và Bảo Vệ Cá Nhân.

Các điều kiện lưu giữ an toàn: Tránh ánh nắng trực tiếp và tia cực tím khi lưu trữ. Giữ thùng chứa đóng kín khi không sử dụng. Lưu trữ ở nơi khô ráo. Tránh hơi ẩm trong không khí. Cất trữ trong thùng chứa làm từ (các) nguyên liệu sau: Thép không gỉ. Aluminum. Thùng chứa có lót chất phenolic hoặc epoxy-phenolic đã được Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ FDA chứng nhận lớp phủ ngoài. Thép không gỉ 316. Thùng chứa bằng nhựa Opaque HDPE.

Tính ổn định trong lưu trữ Thời hạn sử dụng: Sử dụng trong vòng 24 Tháng

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Các giới hạn phơi nhiễm (nếu có) được liệt kê dưới đây.

| Thành phần | Quy định | Loại danh sách | Ý nghĩa/ Chú thích |
|------------------|----------|----------------|----------------------|
| Propylene glycol | US WEEL | TWA | 10 mg/m ³ |

Kiểm soát phơi nhiễm

Kiểm soát máy móc: Áp dụng biện pháp thông gió thoát khí cục bộ, hoặc kiểm soát công trình để duy trì nồng độ trong không khí bên dưới các yêu cầu giới hạn hoặc hướng dẫn phơi nhiễm. Nếu không có các hướng dẫn hoặc yêu cầu giới hạn về phơi nhiễm, cần cung cấp đủ sự thông gió chung cho hầu hết các hoạt động xử lý. Thông gió thoát khí cục bộ có thể cần thiết cho một số hoạt động.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt: Sử dụng kính an toàn (với tấm chắn các bên). Nên sử dụng kính bảo hộ chống hoá chất, nếu có khả năng xảy ra sự phơi nhiễm với các lượng nhỏ hoá chất có thể gây khó chịu mắt.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay: Không cần phải sử dụng những loại găng tay chống chịu được hóa chất khi xử lý nguyên liệu này. Theo tập quán vệ sinh chung đối với các nguyên liệu hóa chất, nên hạn chế tối đa việc tiếp xúc với da.

Các lưu ý bảo vệ khác: Không cần biện pháp phòng ngừa nào khác ngoài việc nên mặc trang phục sạch sẽ che phủ toàn bộ thân thể.

Bảo vệ hô hấp: Nên mang thiết bị bảo vệ hô hấp khi có tiềm năng vượt quá các yêu cầu giới hạn hoặc các hướng dẫn về phơi nhiễm. Nếu không có các yêu cầu giới hạn hoặc các hướng dẫn về phơi nhiễm, hãy mang thiết bị bảo vệ hô hấp khi xảy ra các hậu quả xấu, chẳng hạn như bị kích thích hô hấp hoặc cảm thấy không thoải mái, hoặc theo quy định của quy trình đánh giá sự nguy hiểm. Khi trong không khí có sương mù, nên sử dụng mặt nạ phòng hơi độc đã được chứng nhận.

Sau đây là các loại mặt nạ làm sạch không khí có hiệu quả: Bộ lọc hơi hữu cơ có phin lọc bụi phía trước.

9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái

| | |
|--|--|
| Trạng thái vật lý | Dạng lỏng. |
| Màu | Không màu |
| Mùi | Không mùi |
| Ngưỡng mùi | Chưa có dữ liệu kiểm tra |
| Độ pH | Không áp dụng |
| Điểm/khoảng nóng chảy | < -20 °C EC Phương pháp A1 |
| Điểm đông | < -20 °C EC Phương pháp A1 |
| Điểm sôi (760 mmHg) | 184 °C ở 752,46 mmHg EC Phương pháp A2 |
| Điểm chớp cháy | cốc kín 104 °C ở 1.000,1 hPa EC Phương pháp A9 (CC) (PMCC) |
| Mức độ bay hơi (Butyl acetate = 1) | 0,01 Ước tính. |
| Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) | Không áp dụng cho chất lỏng. Giới hạn dưới của cháy nổ 2,6 (v)% Ước tính. |
| Giới hạn trên của cháy nổ | 12,5 (v)% Ước tính. |
| Áp suất hơi | 20 pa ở 25 °C EC Phương pháp A4 |
| Tỷ trọng hơi tương đối (không khí = 1) | 2,62 Tài liệu |
| Tỷ trọng tương đối (nước = 1) | 1,03 ở 20 °C / 20 °C EC Phương pháp A3 |
| Tính tan trong nước | 100 % ở 20 °C EC Phương pháp A6 |
| Hệ số phân tán: n-octanol/nước | log Pow: -1,07 Đo đạc |
| Nhiệt độ tự bốc cháy | > 400 °C ở 100,01 kpa EC Phương pháp A15 |
| Nhiệt độ phân hủy | Chưa có dữ liệu kiểm tra |
| Độ nhớt động | 43,4 mPa.s ở 25 °C Tài liệu |
| Độ nhớt động lực học | Chưa có dữ liệu kiểm tra |
| Đặc tính cháy nổ | Không gây nổ |
| Đặc tính oxy hóa | Không |
| Mật độ chất lỏng | 1,03 g/cm ³ ở 20 °C Tài liệu |
| Trọng lượng phân tử | chưa có dữ liệu |
| Phần trăm bay hơi điểm rót chảy | chưa có dữ liệu |
| điểm rót chảy | < -57 °C Tài liệu |

Chú ý: Các dữ liệu vật lý được trình bày ở trên là giá trị tiêu biểu và không nên được hiểu như là một đặc điểm kỹ thuật

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng: chưa có dữ liệu

Tính ổn định hóa học: Ổn định ở các điều kiện cất trữ được khuyến nghị. Vui lòng xem Lưu Trữ, Phần 7. Hút ẩm

Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không xảy ra phản ứng trùng hợp.

Các điều kiện cần tránh: chưa có dữ liệu

Các vật liệu xung khắc: Tránh tiếp xúc với: Axit mạnh. Bazơ mạnh. Chất oxy hoá mạnh.

Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Các sản phẩm phân hủy tùy thuộc vào nhiệt độ, lượng không khí được cung cấp, và sự tham gia của những nguyên liệu hoá chất khác. Sản phẩm phân hủy có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Các aldehyde Rượu cồn. Các ête (ether) Các axit hữu cơ.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin độc hại về sản phẩm này hoặc các thành phần của nó được trình bày y trong phần này khi dữ liệu đó là có sẵn.

Độc tính cấp tính Độc tính cấp theo đường miệng

Tính độc hại rất thấp nếu nuốt phải. Được tiên liệu không gây ra những ảnh hưởng gây hại khi nuốt phải những lượng nhỏ.

LD50, chuột, > 20.000 mg/kg

Độc tính cấp qua da

Sự tiếp xúc kéo dài với da có vẻ như không gây thấm hút những lượng độc hại

LD50, Thỏ, > 2.000 mg/kg Không có tử vong xảy ra ở nồng độ này.

Độc tính cấp do hít phải

Ở nhiệt độ phòng, sự phơi nhiễm với hơi hóa chất là rất ít do tính chất bay hơi thấp. Sương hoá chất có thể gây ra những kích ứng cho đường hô hấp trên (mũi và cuống họng).

LC50, Thỏ, 2 h, Dạng sương phun, 317,042 mg/l Không có tử vong xảy ra ở nồng độ này.

Ăn mòn/kích ứng da

Về cơ bản, tiếp xúc kéo dài không gây kích ứng da.

Tiếp xúc lặp đi lặp lại có thể gây bong da và làm mềm da.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt Có

thể gây kích ứng nhẹ tạm thời cho mắt.

Không có khả năng gây kích ứng giác mạc.

Sương hoá chất có thể gây kích ứng mắt.

Gây mẫn cảm

Đã cho thấy không gây ra các phản ứng dị ứng da khi tiến hành thí nghiệm trên người.

Đối với sự mẫn cảm hô hấp:

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Khi đánh giá các dữ liệu sẵn có cho thấy nguyên liệu hóa chất này không phải là chất độc STOT-SE.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm lặp đi lặp lại)

Trong trường hợp hi hữu, việc phơi nhiễm quá mức với propylene glycol có thể gây ảnh hưởng lên hệ thần kinh trung ương.

Độc tính gây ung thư

Đã không gây ra ung thư khi tiến hành thí nghiệm trên động vật.

Độc tính gây quái thai

Đã không gây ra các dị tật bẩm sinh hoặc các ảnh hưởng khác lên bào thai khi tiến hành thí nghiệm ở động vật.

Độc tính đối với sinh sản

Trong nghiên cứu trên động vật, không cản trở khả năng sinh sản. Khi tiến hành thí nghiệm trên động vật, kết quả cho thấy không ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.

Độc tính gây đột biến

Nghiên cứu về độc hại di truyền trong ống nghiệm (bên ngoài cơ thể) cho kết quả âm tính. Các nghiên cứu về độc tính di truyền trên động vật đều cho kết quả âm tính.

Nguy cơ hô hấp

Căn cứ vào tính chất vật lý, không nguy hiểm khi hít phải.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin về sinh thái của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó được trình bày y trong phần này khi dữ liệu đó là có sẵn.

Độc tính sinh thái

Độc tính cấp tính đối với cá
Nguyên liệu hóa chất hầu như không độc hại đối với sinh vật thủy sinh dựa trên cơ sở cấp tính (LC50/EC50/EL50/LL50 > 100 mg/L trong các loài nhạy cảm nhất đã kiểm tra).

LC50, *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng), Thử nghiệm tĩnh, 96 h, 40.613 mg/l, Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Độc tính cấp tính đối với động vật không xương sống thủy sinh

LC50, *Ceriodaphnia Dubia* (bọ chét nước), Thử nghiệm tĩnh, 48 h, 18.340 mg/l, Hướng dẫn kiểm tra OECD 202

Độc tính cấp tính đối với tảo

ErC50, *Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục), 96 h, Ước chế tốc độ tăng trưởng, 19.000 mg/l, Hướng dẫn kiểm tra OECD 201

Độc tính đối với vi khuẩn

NOEC, *Pseudomonas putida* (Vi khuẩn *Pseudomonas putida*), 18 h, > 20.000 mg/l, Phương pháp Không rõ.

Độc tính thủy sinh lâu dài

Độc tính mãn tính đối với động vật thủy sinh không xương sống

NOEC, *Ceriodaphnia Dubia* (bọ chét nước), Thử nghiệm bán tĩnh, 7 d, số lượng con cái,

13.020 mg/l

Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học: Nguyên liệu hóa chất dễ dàng phân hủy sinh học. Đạt (các) kiểm tra OECD về tính dễ phân hủy sinh học. Có thể phân hủy sinh học ở điều kiện kỵ khí (không có oxy)

10 ngày quan sát: Đạt

Phân hủy sinh học: 81 % **Thời gian phơi nhiễm:** 28 d

Phương pháp: Hướng dẫn kiểm tra số 301F của các quốc gia công nghiệp phát triển (OECD) hoặc tương đương

10 ngày "window": không áp dụng

Phân hủy sinh học: 96 % **Thời gian phơi nhiễm:** 64 d

Phương pháp: Kiểm tra OECD 306

Nhu cầu oxy lý thuyết: 1,68 mg/mg

Nhu cầu oxy hóa học: 1,53 mg/mg

Nhu cầu oxy sinh học (BOD)

| Thời Gian Ủ Bệnh | BOD |
|------------------|----------|
| 5 d | 69.000 % |
| 10 d | 70.000 % |
| 20 d | 86.000 % |

Tiềm năng tích lũy sinh học

Tính tích lũy sinh học: Tiềm năng tích lũy sinh học thấp (BCF < 100 hoặc LogPow < 3)

Hệ số phân tán: n-octanol/nước(log Pow): -1,07 Đo đạc **Yếu tố nồng độ sinh học (BCF):** 0,09 Ước tính.

Tính dịch chuyển trong đất

Do có hằng số định luật Henry rất thấp, sự bay hơi từ các nguồn nước hoặc đất ẩm được tiên liệu không phải là một quá trình tác động quan trọng.

Tiềm năng di chuyển trong đất của hoá chất rất cao (Koc ở giữa 0 và 50). **Hệ số phân tán(Koc):** < 1 Ước tính.

Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất này không được xem là bền, có tính tích lũy sinh học, và độc hại (PBT). Chất này không được xem là có tính bền cao và có tính tích lũy sinh học cao (vPvB).

Các ảnh hưởng có hại khác

Chất này không có trong Phụ Lục I của Quy Định (EC) số 1005/2009 về danh sách các chất làm suy giảm tầng ozone.

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ: KHÔNG ĐƯỢC ĐỔ VÀO CỐNG RÃNH, MẶT ĐẤT, HOẶC CÁC NGUỒN

NƯỚC. Tất cả quy trình thải bỏ phải tuân thủ pháp luật và quy định của Liên Bang, Bang/tỉnh và địa phương. Các quy định có thể khác nhau ở những nơi khác nhau. Việc mô tả đặc tính chất thải và việc tuân thủ các luật, quy định có liên quan là trách nhiệm hoàn toàn của bên đã làm phát sinh chất thải. **LÀ NHÀ CUNG CẤP, CHÚNG TÔI KHÔNG KIỂM SOÁT QUY TRÌNH QUẢN LÝ HOẶC CÁC QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỦA CÁC BÊN XỬ LÝ HOẶC SỬ DỤNG HÓA CHẤT NÀY. THÔNG TIN NẾU Ở ĐÂY CHỈ GẮN LIỀN VỚI SẢN PHẨM THEO NHƯ TÌNH TRẠNG ĐƯỢC MÔ TẢ TRONG MSDS Ở PHẦN:** Thông tin về thành phần KHI ĐƯỢC VẬN CHUYỂN ĐẾN QUÝ KHÁCH HÀNG. ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM CHƯA SỬ DỤNG HOẶC CHƯA BỊ NHIỄM BẨN, thì nên chuyển đến một cơ sở đã được cấp phép, phê duyệt: Tái chế. Thu hồi. Lò đốt hoặc một thiết bị tiêu hủy bằng nhiệt. Với vai trò là một dịch vụ với khách hàng của mình, Dow có thể cung cấp tên của các nguồn thông tin để giúp tìm ra những công ty chuyên xử lý, quản lý rác và những Thiết bị chức năng khác dùng để tái chế, tái xử lý, hoặc quản lý các hóa chất hoặc nhựa, và những nơi quản lý các thùng chứa đã qua sử dụng. Xin vui lòng gọi Điện thoại đến Nhóm Thông tin Khách hàng của Dow: 1-800-258-2436 hoặc 1-989832-1556 (ở Mỹ), hoặc 1-800-331-6451 (ở Canada) để biết thêm chi tiết.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Phân loại đối với vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt
Not regulated for transport

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG BIỂN (IMO-IMDG)

Not regulated for transport

Vận chuyển theo khối dựa Consult IMO regulations before transporting ocean bulk trên Phụ Lục I hoặc II của MARPOL 73/78 (Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu biển) và theo mã quy quốc tế IBC hoặc IGC

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG KHÔNG (IATA / ICAO):

Not regulated for transport

Thông tin này không nhằm mục đích để truyền đạt tất cả các qui định pháp lý cụ thể hoặc các yêu cầu/ thông tin vận hành liên quan đến sản phẩm này. Phân loại khi vận chuyển có thể thay đổi tùy theo khối lượng/ thể tích chuyên chở và các điều chỉnh pháp lý theo khu vực hoặc quốc gia. Có thể tìm hiểu thêm thông tin bổ sung trong vận chuyển thông qua đại diện thương mại hoặc đại diện dịch vụ khách hàng đã được ủy quyền. Hãng vận tải có trách nhiệm tuân thủ các luật, quy định, quy tắc liên quan khi tiến hành vận chuyển hóa chất này.

15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Theo như chúng tôi biết, những luật lệ được liệt kê sau đây cung cấp những yêu cầu cần thiết dựa trên kinh doanh hoá chất, sử dụng hóa chất một cách an toàn, vận chuyển hóa chất, quy định về nhãn hoá chất tại Việt Nam:

Luật Hoá Chất của Quốc Hội khóa XII, số 06/2007/QH12, được ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2007. Nghị Định 108/2008/NĐ-CP, Quy Định Chi Tiết và Hướng Dẫn Thi Hành Một Số Điều của Luật Hoá Chất, được ban hành ngày 07 tháng 10 năm 2008; và Nghị Định 26/2011/NĐ-CP, Sửa Đổi Một Số Điều của Nghị Định số 108/2008/NĐ-CP, được ban hành ngày 08 tháng 04 năm 2011.

Nghị định số 104/2009/NĐ-CP, Quy định Danh Mục Hàng Hoá Nguy Hiểm và Vận Chuyển Hàng Nguy Hiểm Bằng Phương Tiện Giao Thông Cơ Giới Đường Bộ , được ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2009. Nghị Định số 29/2005/NĐ-CP, Quy Định Danh Mục Hàng Hóa Nguy Hiểm và Việc Vận Tải Hàng Hóa Nguy Hiểm Trên Đường Thủy Nội Địa.

Nghị Định số 89/2006/NĐ-CP về nhãn hàng hóa được ban hành ngày 30 tháng 08 năm 2006. Chúng tôi khuyến nghị khách hàng nên kiểm tra xem có quy định cụ thể nào tại địa điểm sử dụng sản phẩm về việc phải nghiên cứu kỹ lưỡng đối với con người hoặc các ứng dụng dùng trong thú y, như

phụ gia thực phẩm và dược phẩm hoặc bao bì, sản phẩm vệ sinh gia dụng, và mỹ phẩm, hoặc ngay cả các chất phải kiểm soát đã được công nhận là tiền chất để sản xuất dược phẩm, vũ khí hóa học và đạn dược.

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Tài liệu giới thiệu về sản phẩm

Để biết thêm thông tin về sản phẩm hóa chất này và các sản phẩm khác của Dow, xin vui lòng truy cập vào trang web của chúng tôi.

Chỉnh sửa

(Các) chỉnh sửa gần đây nhất được in đậm, đánh dấu bằng thanh đôi cạnh lề trái trong toàn bộ tài liệu.

Ghi chú

| | |
|---------|---|
| TWA | 8-hr TWA |
| US WEEL | USA. Workplace Environmental Exposure Levels (WEEL) |

CÔNG TY HÓA CHẤT THỊNH PHÚC khuyến khích khách hàng hoặc người nhận Bản Dữ liệu An Toàn (Nguyên Liệu) này hãy đọc nó thật kỹ và tham khảo ý kiến từ chuyên gia, đó là điều cần thiết để nhận thức và hiểu được những thông tin trong Bản Dữ Liệu này và những mối nguy hiểm có thể phát sinh từ sản phẩm. Thông tin cung cấp trong bản này là thành thật và được cho là chính xác căn cứ theo ngày hiệu lực đã nêu ở trên đây. Tuy nhiên, không có bảo đảm, nêu ra, hay ám chỉ được đưa ra. Các yêu cầu cũng như quy định có thể thay đổi và có thể khác nhau ở từng nơi. Người mua/người sử dụng có trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động của mình tuân thủ luật quốc gia và các quy định ở cấp thành phố, tỉnh, hoặc địa phương sở tại. Những thông tin trong bản này chỉ gắn liền với sản phẩm của chúng tôi đã bán cho quý khách hàng. Do nhà sản xuất không thể kiểm soát được các điều kiện sử dụng sản phẩm, nên người mua/người sử dụng có nhiệm vụ phải quyết định những điều kiện cần thiết để có thể sử dụng sản phẩm một cách an toàn. Do hiện nay có nhiều nguồn thông tin cung cấp khác nhau như là bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ nhà sản xuất, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm, cũng như không có khả năng chịu trách nhiệm cho những nguồn thông tin khác không phải của chúng tôi. Nếu quý khách hàng đã nhận được Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ một nguồn khác hoặc nếu quý khách không chắc rằng Bản Dữ Liệu của mình có cập nhật không, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận được phiên bản mới nhất.